

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/KDTM-PT

Ngày 12 - 12 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Bà Cao Thị Túy Giang

Ông Trương Thanh Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2017/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T; địa chỉ: Số A, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Hữu V - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Đức Đ - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng T - chi nhánh Bạc Liêu (theo giấy ủy quyền số 5680/2015/GUQ-VAB ngày 27/11/2015).

- *Bị đơn:* Ông Thái Thanh Q, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị T, sinh năm 1938

2. Bà Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1970

3. Anh Thái Thanh T, sinh năm 1989

4. Chị Thái Thủy T, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Ngọc Đ, anh Thái Thanh T, chị Thái Thủy T: Ông Thái Thanh Q, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2017).

5. Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1957

6. Bà Thái Thị Lan A, sinh năm 1960

7. Anh Trần Anh Q, sinh năm 1985

8. Anh Trần Minh T, sinh năm 1993

9. Chị Trần Thị Lan Đ, sinh năm 1978

10. Bà Thái Thị Lan P, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng T.*

(Đại diện nguyên đơn, bị đơn, bà T, ông L có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2017, tại bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng T trình bày: Vào ngày 30/8/2012, ông Thái Thanh Q có vay vốn tại Ngân hàng T - chi nhánh Bạc Liêu theo hợp đồng tín dụng số 423-40/12/VAB-BL/HĐTDH ngày 30/8/2012, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).
- Mục đích vay: Nuôi Cá Chình.
- Thời hạn vay vốn: 24 tháng, tính từ ngày 30/8/2012 đến ngày 30/8/2014.
- Lãi suất trong hạn: 1,75%/ tháng.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Phương thức trả nợ: Nợ lãi trả hàng tháng, nợ gốc trả vào ngày đáo hạn hoặc trả nhiều lần trong thời gian vay theo từng giấy nhận nợ.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nói trên, ông Thái Thanh Q và bà Phan Thị T đồng ý thế chấp tài sản, cụ thể như sau: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 77m², mục đích sử dụng: Đất ở đô thị, thuộc thửa số N, tờ bản đồ số M, tọa lạc tại ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Việc thế chấp các tài sản trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 423-40/12/VAB-BL/TCBLĐS ngày 30/8/2012, chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn

H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện H vào ngày 31/8/2012.

Trong quá trình vay nợ, ông Thái Thanh Q thanh toán được 61.782.100 đồng nợ lãi đến ngày 29/3/2013, phần nợ gốc đến hạn ngày 30/8/2014 ông Thái Thanh Q chưa thanh toán.

Tính đến ngày 14/8/2017, ông Thái Thanh Q còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 480.000.000 đồng, lãi trong hạn từ 30/3/2013 đến 30/8/2014 là 131.773.331 đồng, lãi quá hạn từ 01/9/2014 đến 14/8/2017 là 410.400.000 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Thái Thanh Q trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền là 1.022.173.331 đồng. Trong trường hợp ông Thái Thanh Q không thanh toán được nợ vay cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thanh toán nợ cho Ngân hàng và buộc ông Q phải chịu lãi quá hạn phát sinh trên số nợ vốn còn nợ từ ngày 15/8/2017 cho đến khi ông Thái Thanh Q trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Tại bản khai và tại phiên tòa bị đơn ông Thái Thanh Q đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Ngọc Đ, anh Thái Thanh T, chị Thái Thủy T trình bày: Vào ngày 30/8/2012 ông có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 5504XX do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10/5/2004 để vay số tiền gốc 480.000.000 đồng tại Ngân hàng T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của hộ gia đình gồm có ông Thái Thanh Q, bà Phan Thị T, bà Huỳnh Ngọc Đ, anh Thái Thanh T, chị Thái Thủy T. Ngoài ra, trên phần đất ông thế chấp còn có ông Trần Ngọc L, bà Thái Thị Lan A, anh Trần Anh Q, anh Trần Minh T, chị Trần Thị Lan Đ đang cất nhà ở trên đất. Tại đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tài sản và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 423-40/12/TCBLBĐS ngày 30/8/2012 thể hiện có chữ ký của bà T là mẹ ông nhưng bà T không có ký tên vào hợp đồng thế chấp trên, chữ ký trong hợp đồng là do ông tự ký, đó không phải là chữ ký của bà T, việc ông vay tiền và thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 5504XX do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10/5/2004 thì bà T và những thành viên trong hộ gia đình không biết. Sau khi vay ông có trả lãi được 61.782.100 đồng cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng T yêu cầu ông trả số tiền vốn và lãi là 1.022.173.331 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng ông đồng ý. Riêng đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số Y 5504XX để thu hồi nợ thì ông không đồng ý vì tài sản trên là của hộ gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 5504XX do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10/5/2004 là tài sản chung của hộ gia đình bà gồm có ông Thái Thanh Q, bà Phan Thị T, bà Huỳnh Ngọc Đ, anh Thái Thanh T, chị Thái Thủy T. Tại đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tài sản và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 423-40/12/TCBLBĐS ngày 30/8/2012 thể hiện có chữ ký của bà nhưng bà không có ký tên vào hợp đồng thế chấp trên, đó không phải là chữ ký của bà. Việc ông Q vay tiền và thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 5504XX do

Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10/5/2004 thì bà không biết, bà cũng không đồng ý việc thế chấp tài sản trên vì ông Q đã tự ý lấy quyền sử dụng đất của hộ gia đình đi thế chấp cho Ngân hàng T để vay tiền mà không hỏi ý kiến của bà và những người trong hộ gia đình. Nay Ngân hàng T yêu cầu ông Q trả số tiền vốn và lãi là 1.022.173.331 đồng và tiền lãi phát sinh thì bà không có ý kiến gì. Riêng đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số Y 5504XX để thu hồi nợ thì bà không đồng ý vì tài sản trên là của bà và hiện nay cả hộ gia đình bà đang ở trên phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc L trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 5504XX do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10/5/2004 không phải là tài sản chung của bà Thái Thị Lan A, bà Phan Thị T, bà Thái Thị Lan P mà là tài sản chung của hộ bà Phan Thị T gồm bà Phan Thị T, ông Thái Thanh Q, bà Huỳnh Ngọc Đ, anh Thái Thanh T, chị Thái Thủy T. Ngoài ra, trên phần đất mà ông Q đã thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng T hiện có 01 phần nhà sau gác lửng có chiều ngang 4,3m dài 2,65m vách xây tường, nền lát gạch men do ông, bà Thái Thị Lan A, anh Trần Anh Q, anh Trần Minh T, chị Trần Thị Lan Đ đang sử dụng. Tuy nhiên, phần đất gắn liền với phần nhà sau nêu trên, ông đã được mẹ vợ là bà Phan Thị T cho vào năm 1996. Nay Ngân hàng T yêu cầu ông Q trả số tiền vốn và lãi là 1.022.173.331 đồng và tiền lãi phát sinh, trường hợp ông Q không thanh toán nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số Y 5504XX để thu hồi nợ thì ông không đồng ý, ông Q vay tiền tại Ngân hàng T thì ông không biết, đó là việc của ông Q, còn đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì ông không đồng ý vì lúc ông Q đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hỏi ý kiến của ông và gia đình, ông Q đã tự làm và lấn đất qua phần đất của ông vì phần đất gắn liền với phần nhà sau như ông đã trình bày trên, ông đã được mẹ vợ là bà Phan Thị T cho vào năm 1996 và đã được anh em trong gia đình đồng ý không tranh chấp. Tuy nhiên, đối với phần đất theo ông xác định là ông Q đã lấn của ông thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 33, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với ông Thái Thanh Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Thái Thanh Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T tổng cộng nợ gốc, lãi tính đến ngày 14/8/2017 là 1.022.173.331 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Q vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T xử lý tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất diện tích 77m², mục đích sử dụng: Đất ở, số thửa N, tờ bản đồ số M, tọa lạc tại ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu do hộ bà Phan Thị T đứng tên quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 5504XX cấp ngày 10/05/2004) để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

- Vô hiệu Hợp đồng thế chấp tài sản của người thứ ba số 423-40/12/TCBLBĐS ngày 30/8/2012 giữa Ngân hàng T và ông Thái Thanh Q, bà Phan Thị T.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Thái Thanh Q phải chịu 21.332.599 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng T đã dự nộp tạm ứng án phí 18.500.000 đồng tại biên lai thu số 003930 ngày 15/12/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, nguyên đơn Ngân hàng T kháng cáo một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu về việc đã tuyên không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T xử lý tài sản thế chấp và tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Đủ cơ sở xác định thực tế giữa Ngân hàng T và ông Thái Thanh Q có ký kết Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 423-40/12/HĐTDH ngày 30/8/2012, nội dung: Ông Q vay Ngân hàng số tiền 480.000.000 đồng; mục đích vay Nuôi Cá Chình; thời hạn cho vay 24 tháng, tính từ ngày 30/8/2012 đến ngày 30/8/2014; lãi suất trong hạn 1,75%/ tháng; lãi suất quá hạn tính 150% lãi suất cho vay trong hạn.

[3] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Thái Thanh Q và bà Phan Thị T đồng ý thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, diện tích 77m², mục đích sử dụng đất ở đô thị, thuộc thửa số N, tờ bản đồ số M, tọa lạc tại ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Việc thế chấp tài sản trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 423-40/12/TCBLĐS ngày 30/8/2012.

[4] Đại diện Ngân hàng T và ông Thái Thanh Q thống nhất thừa nhận tổng cộng nợ gốc, lãi tính đến ngày 14/8/2017 là 1.022.173.331 đồng (trong đó nợ gốc là 480.000.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 30/3/2013 đến 30/8/2014 là 131.773.331 đồng, lãi quá hạn từ 01/9/2014 đến 14/8/2017 là 410.400.000 đồng). Các đương sự không ai kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về số tiền gốc và lãi đối với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Q thanh toán cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề này.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 423-40/12/TCBLĐS ngày 30/8/2012: Về hình thức hợp đồng, hợp đồng được lập thành văn bản, được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Phan Thị T xác định chữ ký của bà trong Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 423-40/12/TCBLĐS ngày 30/8/2012 (bút lục 35-38) và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 31/8/2012 (bút lục 47) không phải do bà T ký tên; ông Q thừa nhận đúng là ông đã tự ký tên bà T và tự ý thế chấp tài sản không thông qua gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh đối với người đại diện chính quyền địa phương ký xác nhận các giấy tờ có liên quan đến giao dịch thế chấp vào thời điểm giao dịch được xác lập (bút lục 306) và do quy trình làm việc thời điểm đó nên người ký đã không xác định được bà T có trực tiếp ký tên vào các giấy tờ được xác nhận hay không. Phía Ngân hàng không yêu cầu giám định chữ ký của bà T (bút lục 297). Do đó, việc ông Q tự ký tên thế chấp mà không có ý kiến thỏa thuận của các thành viên trong hộ gia đình là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 109 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Về nội dung hợp đồng, tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2017 (bút lục 321 - 322) thể hiện trên phần đất tranh chấp có 01 căn nhà cấp 4, chiều dài 15,82m, chiều ngang nhà trước 3,86m, chiều ngang nhà sau 4,3m do hộ ông Thái Thanh Q đang ở gồm những người sau đây: Bà Phan Thị T, ông Thái Thanh Q, bà Huỳnh Ngọc Đ, anh Thái Thanh T, chị Thái Thủy T. Ngoài ra, còn có 01 phần căn nhà sau, gác lửng, có chiều ngang 4,3m, chiều dài 2,65m do bà Thái

Thị Lan A, ông Trần Ngọc L, anh Trần Anh Q, anh Trần Minh T, chị Trần Thị Lan Đ đang sử dụng.

[7] Tại Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/7/2017, ông Trần Ngọc L xác định trên phần đất thế chấp có 01 phần căn nhà sau, gác lửng, có chiều ngang 4,3m, chiều dài 2,65m do ông cùng với bà Thái Thị Lan A, anh Trần Anh Q, anh Trần Minh T, chị Trần Thị Lan Đ đang sử dụng, phần đất gắn liền căn nhà sau này có nguồn gốc do mẹ vợ của ông là bà Phan Thị T cho vợ chồng ông vào năm 1996 và được các anh em trong gia đình đồng ý không tranh chấp. Ông Q tự ý làm giấy lấn qua đất của ông, tuy ông không tranh chấp với ông Q nhưng ông khẳng định 01 phần căn nhà sau gắn liền với đất là tài sản của ông, ông không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp.

[8] Các đương sự đều xác định 01 phần căn nhà sau ông L và các thành viên gia đình ông L đang ở được xây dựng trên đất trước khi ông Q ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 348 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì khi thế chấp ông Q phải thông báo cho Ngân hàng về các quyền của người thứ ba đối với tài sản thế chấp và theo quy định tại khoản 3 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Ngân hàng phải yêu cầu bên thế chấp cung cấp thông tin về thực trạng tài sản thế chấp. Nhưng phía ông Q cũng như Ngân hàng T đã không thực hiện các quy định pháp luật, không có ý kiến của ông L và những người đang ở trên 01 phần căn nhà sau trong phần đất thế chấp làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L và các thành viên trong nhà ông L, không đảm bảo việc xử lý tài sản thế chấp như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[9] Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 423-40/12/TCBLDS ngày 30/8/2012 đã không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[10] Do hợp đồng thế chấp bị vô hiệu nên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên từ thời điểm xác lập hợp đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng về việc bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, có căn cứ chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[11] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[12] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 33, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng T, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với ông Thái Thanh Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Thái Thanh Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T tổng cộng nợ gốc, lãi tính đến ngày 14/8/2017 là 1.022.173.331 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Q vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T xử lý tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất diện tích 77m², mục đích sử dụng: Đất ở, số thửa N, tờ bản đồ số M, tọa lạc tại ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu do hộ bà Phan Thị T đứng tên quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 5504XX cấp ngày 10/05/2004) để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

5. Vô hiệu Hợp đồng thế chấp tài sản của người thứ ba số 423-40/12/TCBLBDS ngày 30/8/2012 giữa Ngân hàng T và ông Thái Thanh Q, bà Phan Thị T.

6. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Thái Thanh Q phải chịu 21.332.599 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng T đã nộp tạm ứng án phí 18.500.000 đồng tại biên lai thu số 003930 ngày 15/12/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng T phải chịu 2.000.000 đồng. Ngân hàng T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003635 ngày 25/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được đổi trả, Ngân hàng T còn phải nộp tiếp 1.700.000 đồng.

7. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng T phải chịu 100.000 đồng, Ngân hàng đã nộp xong và đã chi hết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện H (01 bản);
- CCTHADS huyện H (01 bản);
- Các đương sự (12 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt